

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-PT
Ngày: 26-8-2022
V/v *Tranh chấp thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu H - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Luyện Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu La D (Lưu Tiến D); sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm 9, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hoàng Minh N và luật sư Hà Thị B thuộc văn phòng luật sư Hoàng Minh N – Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Số nhà 109, tổ 7, phường F, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Bà B và ông N có mặt.

- Bị đơn: Bà Mã Thị T; sinh năm 1961; Địa chỉ: Xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lưu La A; sinh năm 1964; Địa chỉ: Xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Ông Lưu La Đ; sinh năm 1974; Địa chỉ: Xóm Nà Niền, xã Y, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

3. Bà Lưu Thị C; sinh năm 1960; Địa chỉ: Xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1971; Địa chỉ: tổ 10, phường S.H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

5. Ông Lưu Huỳnh M; sinh năm 1998; Địa chỉ: tổ 10, phường S.H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1968; Địa chỉ: tổ 03, phường D.T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

7. Bà Lưu Thị H.N; sinh năm 1985; Địa chỉ: Xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

8. Bà Lưu Thị Diệu O; sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 08, phường H.C, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

9. Ông Dương Văn X; sinh năm 1982; Địa chỉ: Xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lưu La D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thị C, Lưu La A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lưu La D trình bày:

Bố ông D là ông Lưu La Q (chết năm 2005) và bà Nông Thị S (có tên gọi khác là Nông Thị R, chết năm 2016) sinh được 07 người con gồm: Lưu La D, Lưu La P (chết năm 2007), Lưu La K (chết năm 2003), Lưu La Th (chết năm 2016), Lưu La A, Lưu La Đ, Lưu Thị C.

Ông Lưu La P có vợ là Nguyễn Thị L, có 01 con chung là Lưu Huỳnh M; Lưu La K có vợ là bà Nguyễn Thị H, có 01 con chung tên Lưu Văn J nhưng cũng đã chết năm 2008; Lưu La Th có vợ là bà Mã Thị T, có 02 người con là Lưu Thị Diệu O và Lưu Thị H.N.

Ông Lưu La Q và bà Nông Thị S khi chết để di sản chưa chia gồm: thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.540m² và thửa đất số 5 tờ bản đồ số 37,

diện tích 1.093m² (tên xứ đồng: Sậy Bè) cùng địa chỉ tại xóm 8 xã V, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Nguồn gốc 02 thửa đất này là do bố mẹ ông được thừa kế của tổ tiên, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sử dụng ổn Đ, không có tranh chấp.

Ông đề nghị chia 02 thửa đất trên như sau: Chia thừa kế theo di chúc thửa đất số 269 tờ bản đồ số 38 cho 3 người con trai là: Lưu La D, Lưu La P, Lưu La K; chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 5 tờ bản đồ số 37.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Mã Thị T trình bày:

Bà nhất trí với ý kiến của ông Lưu La D về mối quan hệ trong gia đình và các thửa đất ông Q bà S để lại chưa chia. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà nhất trí chia thửa đất số 05 theo pháp luật, đối với thửa đất số 269 bà không nhất trí chia theo di chúc với lý do: Năm 2016 gia đình đã thỏa thuận giao 2 thửa đất trên cho gia đình bà T quản lý sử dụng vì mẹ chồng bà (bà S) sống với vợ chồng bà. Cũng trong năm 2016 tất cả anh chị em trong gia đình cùng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có cả gia đình bà. Lúc đó gia đình anh chị em bên chồng bà không có ai thắc mắc, đến khi hết đợt niêm yết của xã cũng không có tranh chấp xảy ra. Năm 2019 gia đình bà tiến hành san lấp mặt bằng đến hết năm 2019 hoàn thành và trong khoảng thời gian đó cũng không có ai ý kiến. Đến tháng 7/2020 ông Lưu La D đưa di chúc của ông Lưu La Q để đòi tranh chấp 2 thửa đất trên với bà. Bà không nhất trí với bản di chúc vì cả gia đình bà không biết đến nội dung di chúc, khi ông Q và bà S chết ông D cũng không công bố di chúc.

Mặc dù bà cho rằng gia đình bà đã được chia 02 thửa đất trên nhưng bà vẫn nhất trí chia theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 09/12/2020 bà Mã Thị T có yêu cầu phản tố, đề nghị chia thêm thửa đất số 87, tờ bản đồ số 45 và đề nghị những người được chia thửa đất số 269 có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền bà đã bỏ ra để tôn tạo thửa đất tương ứng với phần đất mà họ được chia.

Sau khi thụ lý yêu cầu phản tố, tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất có tranh chấp, đối với thửa đất 269 khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ các bên không thống nhất được ranh giới với các thửa giáp ranh (thửa đất của gia đình bà Mã Thị T và thửa đất của bà Lưu Thị H.N ông Dương Văn X) nên bà Mã Thị T có đơn phản tố bổ sung yêu cầu xác định ranh giới giữa thửa đất 269 và thửa đất 234, tờ bản đồ số 38 gia đình bà đang quản lý sử dụng, bà Lưu Thị H.N có yêu cầu độc lập đề nghị xác định ranh giới giữa thửa đất 269 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 38 vợ chồng bà E đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án đã thụ lý đối với các yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập trên.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị H.N trình bày: Bà cho biết 03 thửa đất chia thừa kế do ông Lưu La Q và bà Nông Thị S để lại. Sau khi ông Q mất, bà S về ở với bố mẹ bà là ông Th bà T, bà là người chăm sóc bà S cho đến khi bà S chết. Thửa đất 269 và thửa đất số 05 sau khi bà S lên ở cùng đã cho bố mẹ bà quản lý, sử dụng. Đầu năm 2019 gia đình bà tiến hành cải tạo thửa đất 269, trong quá trình tiến hành xây dựng đến khi hoàn thành không có ai có ý kiến hay khiếu nại gì. Đến tháng 7/2020 ông D mới tranh chấp và đưa ra bản di chúc. Do đó, bà không nhất trí với bản di chúc và đề nghị chia thửa đất 269 theo quy Đ của pháp luật.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Lưu Huỳnh M, bà Nguyễn Thị H trình bày: Mặc dù theo di chúc ông D cung cấp cho Tòa án, thì thửa đất số 269 sẽ được chia làm 03 phần cho ông Lưu La D, Lưu La P (chồng bà L) và Lưu La K (chồng bà H). Nhưng sau khi ông Q chết không ai công bố di chúc, đến khi ông D cung cấp cho Tòa án mọi người trong gia đình mới biết nội dung di chúc (15 năm sau khi ông Q chết). Do đó, không thể xác định được di chúc có đúng với nguyện vọng của ông Q hay không nhưng các ông bà có mong muốn chia thửa đất 269 theo quy định của pháp luật. Đối với thửa đất 05 và thửa đất 87 nhất trí chia theo pháp luật.

- *Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu La A và ông Lưu La Đ trình bày:* Ông không đồng ý với nội dung bản di chúc mà ông D cung cấp. Năm 2019 khi bà Mã Thị T tiến hành san lấp mặt bằng xây dựng kè đá và tường bao quanh thửa đất 269 anh em trong gia đình đều không có ý kiến thắc mắc hay phản đối gì, cuối năm 2019 bà T làm xong cũng không có ai kiện cáo gì. Sau khi mảnh đất được cải tạo bằng phẳng và đẹp đến tận tháng 07/2020 ông D mới đưa bản di chúc ra đòi chia là không hợp lý.

- *Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị C trình bày:* Bà xác nhận bố mẹ bà để lại di sản là thửa đất số 269 và thửa đất số 05, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lưu Thị Diệu O trình bày:* Năm 2007 bà S (R) lên ở với bố mẹ và em gái bà nên đã cho gia đình bà thửa đất 269, gia đình bà đã san gạt và sử dụng không có tranh chấp gì. Đến khi bố bà (ông Lưu La Th) chết thì ông Lưu La D mới đưa bản di chúc ra.

- *Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn X trình bày:* Ông xác nhận vợ chồng ông là người có quyền quản lý sử dụng thửa đất 270, có giáp ranh với thửa đất 269. Về yêu cầu độc lập của bà E vợ ông, ông nhất trí toàn bộ lời trình bày của bà Lưu Thị H.N tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh với hộ giáp ranh và người sinh sống lâu năm tại địa phương, kết quả như sau:

Tại Biên bản xác minh ngày 28/01/2021 và 15/3/2022 bà Lưu Thị Tm cho biết: Thửa đất 269 trước đây do ông Lưu La Q và bà Nông Thị S (R) quản lý, sử dụng. Sau khi ông bà chết để lại cho các con quản lý, sử dụng đến nay.

Thửa đất 269 đã được cải tạo san bằng không còn mốc giới như ngày xưa nên bà không biết ranh giới giữa thửa đất gia đình bà Mã Thị T quản lý, sử dụng với thửa đất 269.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/3/2022 ông Đinh Ngọc Tuyển cho biết: Nguồn gốc thửa đất số 269 là của ông Lưu La Q và bà Nông Thị S, sau khi ông bà chết thì gia đình bà Mã Thị T quản lý, sử dụng, xây tường, kẻ bao quanh, đến gần đây mới thấy phát sinh tranh chấp giữa bà T và ông Lưu La D.

Ranh giới giữa thửa đất 269 và thửa đất của gia đình bà T do đã san gạt, cải tạo nên ông không biết. Ngôi nhà bà T đang quản lý, sử dụng có 02 phần, phần nhà to bà T xây dựng năm 2019, nhà bé đã xây từ lâu, xây từ năm nào ông không biết, chỉ biết xây trên phần đất ông Q bà S chia cho ông Th (chồng bà T).

Tại Biên bản xác minh ngày 16/3/2022 ông Nông Văn Triều cho biết: Ông xác nhận được ký tên trong bản di chúc do ông Lưu La Q lập ngày 29/10/2002 do thời gian đó ông đang làm trưởng xóm Bản Ngần (nay là xóm 8), xã V. Nội dung bản di chúc ông không biết ai là người viết vì ông không được chứng kiến, ông chỉ biết ông Lưu La D con trai ông Lưu La Q mang đến cho ông xác nhận.

Về ranh giới giữa thửa đất 269 và thửa đất bà T quản lý, sử dụng ông không biết do trước đây thửa đất 269 có 01 cái ao nhưng bà T đã san lấp nên ranh giới hiện nay đã không còn.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/3/2022 ông Đinh Ngọc Trường cho biết: Thửa đất số 05, 87, 269 có nguồn gốc của gia đình bà Lưu Thị Tm, khi bố mẹ bà Tm còn sống đã chia cho ông Lưu La Q và bà Nông Thị S.

Thửa đất 269 khi ông Q bà S còn sống không biết đã chia cho ai, ông chỉ biết thửa đất có vị trí nằm phía sau nhà bà T và do bà T, ông Th quản lý, sử dụng. Năm 2019-2020 gia đình bà T xây tường rào, kẻ bao quanh thửa đất số 269. Khi gia

đình bà T xây dựng ông không thấy ai có ý kiến gì và không có tranh chấp với ai. Sau khi xây kè xong thì ông D mới khởi kiện yêu cầu chia thừa kế.

Ngôi nhà bà T hiện nay đang sử dụng có 02 phần, phần nhà to mới xây năm 2019, phần nhà nhỏ đã xây từ trước, lúc xây bà S vẫn còn sống, xây trên nền nhà cũ của ông Hg Văn Đề, sau khi ông Đề chuyển đi nơi khác, ông Th chuyển đến xây dựng trên nền nhà cũ.

Tại Công văn số 192/UBND-ĐC ngày 09/6/2021 Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cao Bằng cho biết: 03 thửa đất các bên đương sự đang yêu cầu chia thừa kế đều không có tranh chấp (ngoài các thành viên trong gia đình yêu cầu chia thừa kế), không nằm trong quy hoạch, không phải đất công.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ngày 28/01/2021, Tòa án nhân thành phố Cao Bằng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38; thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 87, tờ bản đồ số 45 cùng địa chỉ: Xóm 08, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Kết quả như sau:

- Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37 bản đồ địa chính năm 2015 có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp đất ông Lục Văn M; Phía Đông giáp đường; Phía Nam giáp đất ông Ngô V.Đ; Phía Tây giáp đất ông Nông V.M.

Thửa đất số 05 là đất trồng cây lâu năm vùng 2, thấp hơn mặt đường 0,5m. Trên thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37 có một số cây ăn quả bao gồm cây nhãn, cây mít và cây chanh, các bên đương sự thống nhất thỏa thuận không đề nghị Tòa án tiến hành Đ giá cây cối, ai được chia phần đất nào sẽ được quản lý cây cối trên phần đất đó.

- Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 45 (là đất trồng lúa LUK, vùng 3) có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp đường dân sinh và đất ông Đoàn Trọng U; Phía Nam giáp đất ông Đoàn Trọng U; Phía Tây giáp đường dân sinh; Phía Đông giáp đất ông Đoàn Trọng U.

Trên thửa đất 87, tờ bản đồ 45 có cây mía. Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận toàn bộ mía là do ông Lưu La D trồng và không yêu cầu định giá, ai được chia phần đất này có quyền sử dụng mía trên đất.

- Thửa đất số 269, tờ bản đồ 38 bản đồ đo vẽ năm 1995 có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa 275, 276 của bà Mã Thị T (bản đồ địa chính năm 2015); Phía Nam giáp thửa 350 của bà Lưu Thị Tm, thửa 325, 351 của Nông Anh Hg (bản đồ địa chính năm 2015); Phía Đông giáp thửa 297 của Lưu Thị H.N (bản đồ địa chính năm 2015); Phía Tây giáp thửa 299, 349 của bà Lưu Thị Tm (bản đồ địa chính năm 2015);

Trên thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 gồm có tài sản, vật kiến trúc sau:

+ Kè số 01: Xây đá học kích thước theo hình vẽ, chiều dài tuyến kè sẽ lấy theo bản đồ trích đo do Trung Tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cung cấp.

+ Kè số 02 (Phía sau giáp đất nhà bà Mã Thị T): Xây đá học kích thước theo hình vẽ, chiều dài tuyến kè sẽ lấy theo bản đồ trích đo do Trung Tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cung cấp.

+ Hàng rào xây gạch chỉ 110m, bổ trụ, không trát, chiều dài hàng rào sẽ lấy theo bản đồ trích đo do Trung Tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng cung cấp, chiều cao trung bình 2,45m.

+ Móng hàng rào rộng 0,22m, sâu 0,6m chiều dài tương ứng theo chiều dài của hàng rào.

Trên thửa đất 269 gồm có tài sản (cây cối): 01 cây khế, 01 cây xoài,...Các bên đương sự thống nhất ai được chia phần đất nào thì sẽ được quản lý, sử dụng cây cối trên phần đất được chia, không yêu cầu Tòa án định giá.

Đến ngày 04/5/2021 tiến hành định giá tài sản, xác định tổng giá trị của thửa đất số 05 là: $1567,5m \times 72.000đ \times 0,8 = 90.288.000$ đồng (Chín mươi triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng). Tổng giá trị của thửa đất số 87 là: $192,8 \times 47.000đ = 9.061.600đ$ (Chín triệu không trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Ngày 15/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xem xét, thẩm Đ tại chỗ lần 2 đối với thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 theo Đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ lại của ông Lưu La D đề ngày 28/4/2021. Kết quả như sau:

Về mốc giới: Các bên đương sự thống nhất xác định theo các điểm mốc số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 11C, 14. Ông D xác định các điểm mốc còn lại là điểm 08, 09, 11, 12 và 13, còn bà T xác định các điểm 10, 11B, 11C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông A, ông Đ, bà L, bà H không xác định được vị trí cụ thể của thửa đất 269 do hiện trạng và mốc giới đã thay đổi. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thị H.N nhất trí với ranh giới do bị đơn bà Mã Thị T đã xác định.

Ngày 05/01/2022 tiến hành định giá tài sản, xác định giá trị quyền sử dụng thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 kết quả như sau: Do thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 có tranh chấp về ranh giới nên tại thời điểm định giá không xác định được diện tích. Vì vậy, Hội đồng định giá chỉ xác định giá trị một mét vuông đất của thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 từ đó Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng có

căn cứ để tính giá trị của thửa đất khi xác định được diện tích của thửa đất tranh chấp.

Căn cứ theo Quyết định 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng và trích đo thửa đất số thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính năm 1995) nay là một phần các thửa đất 275, 276, 288, 298, 317, tờ bản đồ số 45 (Bản đồ địa chính năm 2015), địa điểm: xóm 08, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng là Đất bằng trồng cây hàng năm (Ký hiệu: BHK), vùng 2, xã đồng bằng được xác định có giá là 75.000 đ/m² (Bảy mươi lăm nghìn đồng một mét vuông).

* Về giá trị của tài sản - vật kiến trúc trên đất:

- Kè xây đá hộc số 01:

+ Móng kè: $[(1+0,78)/2] \times 0,6 \times 34,7 = 18,53 \text{ m}^3 \times 1.639.000 \text{ đ} = 30.370.670 \text{ đ}$ (Ba mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

+ Phần thân kè: $[(0,3+0,78)/2] \times 1,33 \times 34,7 = 24,922 \text{ m}^3 \times 1.393.000 \text{ đ} = 34.716.346 \text{ đ}$ (Ba mươi tư triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng).

- Kè xây đá hộc số 02:

+ Móng kè: $[(1+0,86)/2] \times 0,6 \times 34 = 18,972 \text{ m}^3 \times 1.639.000 \text{ đ} = 31.095.108 \text{ đ}$ (Ba mươi triệu không trăm chín mươi lăm nghìn một trăm linh tám đồng).

+ Phần thân kè: $[(0,35+0,86)/2] \times 2,33 \times 34 = 47,928 \text{ m}^3 \times 1.393.000 \text{ đ} = 66.763.704 \text{ đ}$ (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm linh tư đồng).

- Hàng rào:

Diện tích hàng rào: $74,84 \times 2,45 = 183,358 \text{ m}^2$

Giá trị của hàng rào: $183,358 \text{ m}^2 \times 445.000 \text{ đ} = 81.594.310 \text{ đ}$ (Tám mươi một triệu năm trăm chín mươi tư nghìn ba trăm mười đồng)

Tổng giá trị tài sản – vật kiến trúc: 65.087.016 đ (Giá trị kè xây đá hộc số 01) + 97.858.812 đ (Giá trị kè xây đá hộc số 02) + 81.594.310 đ (Giá trị hàng rào) = 244.540.138 đ (Hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn một trăm ba mươi tám đồng).

Ngày 04/4/2022 bà Mã Thị T có đơn phản tố sửa đổi, bổ sung, đề nghị những người được chia thửa đất 269 phải T toán cho bà số tiền tôn tạo là 244.540.138 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chia thừa kế thừa đất 269 theo di chúc, chia thừa đất 05, 87 theo pháp luật. Về ranh giới giữa thừa đất 269 và thừa đất 234 của bà Mã Thị T đề nghị xác định theo bản đồ địa chính 1995.

Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo di chúc thừa đất 269.

Đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu T toán tiền tôn tạo thừa đất 269: bà Nguyễn Thị L, bà Lưu Thị H.N nhất trí thanh toán, còn lại không nhất trí thanh toán vì cho rằng khi bà T làm chưa bàn bạc với gia đình.

Các bên đương sự thống nhất xác định ranh giới giữa thừa đất 269 và thừa đất 270 theo các điểm 8 và 9 do ông Lưu La D chỉ tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2021.

Các bên đương sự vẫn bảo lưu ý kiến về việc chia cho Lưu Thị H.N một phần thừa đất 269, trừ bà Lưu Thị C và ông Lưu La D.

Các bên đương sự có nguyện vọng được chia đất bằng hiện vật, bà Mã Thị T, bà Lưu Thị H.N có nguyện vọng được chia thừa 269, ông Lưu La D có nguyện vọng được chia thừa 87, những người còn lại đề nghị tòa án chia theo pháp luật.

Ông Lưu La Đ, bà Lưu Thị Diệu O vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn ông Đ và bà O tự nguyện tặng cho bà Mã Thị T toàn bộ phần đất ông bà được chia. Tại Đơn trình bày ngày 04/5/2022 bà Nguyễn Thị H cũng có ý kiến tự nguyện tặng cho bà Mã Thị T toàn bộ phần đất bà được hưởng của thừa 269. Tại đơn trình bày ngày 10/5/2022 bà E có ý kiến tặng cho bà T toàn bộ phần đất của bà E được thừa kế và phần mọi người cho tại thừa đất 269. Tại đơn trình bày ngày 09/5/2022 ông C tặng cho bà L toàn bộ phần đất được thừa kế.

Khi tham gia tranh luận, các bên đương sự vẫn bảo lưu ý kiến của mình.

Tại bản án số 23/2022/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã:

- Căn cứ Điều 213; Điều 609; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 650; Điều 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm

2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Mã Thị T về việc xác định ranh giới giữa thửa đất 269, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính năm 1995) nay là một phần các thửa đất 275, 276, 288, 298, 317, tờ bản đồ số 45 (Bản đồ địa chính năm 2015) và thửa đất 234, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính năm 1995) cùng có địa chỉ tại xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo các điểm 10, 11B, 11C. Xác định ranh giới giữa thửa đất 269, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính năm 1995) nay là một phần các thửa đất 275, 276, 288, 298, 317, tờ bản đồ số 45 (Bản đồ địa chính năm 2015) và thửa đất 234, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính năm 1995) cùng có địa chỉ tại xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo các điểm 13, 13A, 13B, 13C, 9.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về việc xác định ranh giới giữa thửa đất 269, tờ bản đồ số 38 và thửa đất 270, tờ bản đồ số 38 cùng có địa chỉ tại xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo các điểm 8, 9 (có sơ đồ kèm theo). Bà Lưu Thị H.N và ông Dương Văn X có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để hoàn thiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

Thửa đất 269, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính năm 1995) nay là một phần các thửa đất 275, 276, 288, 298, 317, tờ bản đồ số 45 (Bản đồ địa chính năm 2015) có địa chỉ tại xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng được xác Đ có diện tích là: 1193,4m². (có sơ đồ kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu La D về việc chia thừa kế thửa đất 05, tờ bản đồ số 37 theo pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu La D về việc chia thừa kế thửa đất 269, tờ bản đồ số 38 theo di chúc. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Mã Thị T về việc chia thừa kế thửa đất số 87, tờ bản đồ số 45 theo pháp luật.

Công nhận di sản của ông Lưu La Q và bà Nông Thị S (R) gồm 03 thửa đất: Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37; Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 45, Thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 đều có địa chỉ tại xóm 8, V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng có tổng giá trị là 188.854.600 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu tám trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm đồng).

Thời điểm mở thừa kế của ông Lưu La Q là ngày 14 tháng 02 năm 2005; thời điểm mở thừa kế của bà Nông Thị S (R) là ngày 10 tháng 02 năm 2016.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lưu La Đ, bà Mã Thị T, bà Lưu Thị O Diệu O, bà Nguyễn Thị L, ông Lưu Huỳnh M, ông Lưu La A về việc tặng cho bà Lưu Thị H.N một phần thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 bằng với phần của các ông bà.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lưu La Đ, bà Lưu Thị O Diệu O, bà Lưu Thị H.N về việc tặng cho bà Mã Thị T toàn bộ phần di sản được chia. Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Thị H về việc tự nguyện tặng cho bà Mã Thị T toàn bộ phần di sản được chia tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lưu Huỳnh M về việc tặng cho bà Nguyễn Thị L phần di sản còn lại ông Lưu Huỳnh M được chia.

Các đương sự được chia như sau:

Ông Lưu La D được chia toàn bộ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 45 và 355m² thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37 có tổng giá trị là 29.508.531,25 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm linh tám nghìn năm trăm ba mươi một phẩy hai lăm đồng).

Bà Lưu Thị C được chia 512,3m² thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37, có tổng giá trị là 29.508.531,25 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm linh tám nghìn năm trăm ba mươi một phẩy hai lăm đồng).

Bà Mã Thị T được chia 936m² thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính năm 1995) nay là một phần các thửa đất 275, 276, 288, 298, 317, tờ bản đồ số 45 (Bản đồ địa chính năm 2015) có tổng giá trị là 70.204.362,5 đồng (bảy mươi triệu hai trăm linh tư nghìn ba trăm sáu mươi hai phẩy năm đồng).

Ông Lưu La A được chia 128,7m² thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37 và 257,4m² thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính năm 1995) nay là một phần thửa đất 317, tờ bản đồ số 45 (Bản đồ địa chính năm 2015) có tổng giá trị là 26.711.631,25 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm mười một nghìn sáu trăm ba mươi một phẩy hai lăm đồng).

Bà Nguyễn Thị L được chia 463,7m² thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37 có tổng giá trị là 26.711.631,25 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm mười một nghìn sáu trăm ba mươi một phẩy hai lăm đồng).

Bà Nguyễn Thị H được chia 107,8m² thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37 có tổng giá trị là 6.209.912,5 đồng (sáu triệu hai trăm linh chín nghìn chín trăm mười hai phẩy năm đồng).

(có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để hoàn thiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định

của pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Mã Thị T về việc yêu cầu người được chia thừa đất 269, tờ bản đồ số 38 phải T toán cho bà tiền tôn tạo thừa đất. Ông Lưu La A được chia 257,4 m² của thừa đất 269, tờ bản đồ số 38 nên phải T toán cho bà Mã Thị T số tiền tôn tạo thừa đất là 50.118.792,5 đồng (năm mươi triệu một trăm mười tám nghìn bảy trăm chín mươi hai phẩy năm đồng).

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản

Bà Mã Thị T được chia di sản có giá trị 70.204.362 đồng nên phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 5.037.045 đồng (năm triệu không trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

Bà Lưu Thị C và ông Lưu La D mỗi người được chia di sản có giá trị là 29.508.531,25 đồng nên mỗi người phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 2.117.187 đồng (hai triệu một trăm mười bảy nghìn một trăm tám mươi bảy đồng).

Ông Lưu La A và bà Nguyễn Thị L mỗi người được chia di sản có giá trị là 26.711.631,25 đồng nên mỗi người phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 1.916.515 đồng (một triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm mười lăm đồng). Ngoài ra, ông A còn phải chịu án phí đối với tiền tôn tạo thừa đất là: 2.505.939 đồng (hai triệu năm trăm linh năm nghìn chín trăm ba mươi chín đồng).

Bà Nguyễn Thị H được chia di sản có giá trị là 6.209.912 đồng nên phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 445.551 đồng (bốn trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi một đồng).

Xác nhận ông Lưu La D đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng). Nay bà Lưu Thị C phải T toán lại cho ông Lưu La D số tiền là 2.117.187 đồng (hai triệu một trăm mười bảy nghìn một trăm tám mươi bảy đồng). Ông Lưu La A và bà Nguyễn Thị L mỗi người phải T toán cho ông Lưu La D số tiền là 1.916.515 đồng (một triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm mười lăm đồng). Bà Nguyễn Thị H phải T toán cho ông Lưu La D số tiền là 445.551 đồng (bốn trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi một đồng).

Xác nhận bà Mã Thị T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.050.000 đồng (ba triệu không trăm năm mươi nghìn). Nay bà Mã Thị T phải T toán lại cho ông Lưu La D số tiền là 1.987.045 đồng (một triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lưu La D được chia di sản có giá trị là 29.508.531,25 đồng nên phải chịu án phí là $29.508.531,25 \text{ đồng} \times 5\% = 1.475.426 \text{ đồng}$ (một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp là 1.477.500 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000894 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Nay ông D còn được hoàn lại số tiền án phí là 2074 đồng (hai nghìn không trăm bảy mươi tư đồng).

Ông Lưu La A và bà Nguyễn Thị L mỗi người được chia di sản có giá trị là 26.741.631,25 đồng nên mỗi người phải chịu án phí là $26.741.631,25 \text{ đồng} \times 5\% = 1.337.081 \text{ đồng}$ (một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn không trăm tám mươi một đồng).

Bà Nguyễn Thị H được chia di sản có giá trị là 6.209.912 đồng nên phải chịu án phí là: $6.209.912 \text{ đồng} \times 5\% = 310.495 \text{ đồng}$ (ba trăm mười nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng).

Bà Mã Thị T và bà Lưu Thị C là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí đối với phần di sản được hưởng. Trả lại cho bà Mã Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.313.500 đồng (sáu triệu ba trăm mười ba nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000939 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mã Thị T và bà Lưu Thị H.N về việc chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xác Đ ranh giới đất, mỗi người phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000939 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0001125 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Xác nhận bà Mã Thị T và bà Lưu Thị H.N đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/5/2022 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của ông Lưu La D; ngày 25/5/2022 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu La A, Lưu Thị C kháng cáo đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Nguyên đơn Lưu La D kháng cáo: Không nhất trí chia thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 thuộc xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng theo pháp luật, không nhất trí chia thửa 87, tờ bản đồ số 45 cho riêng ông; Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: chia thửa 269 theo di chúc do ông Lưu La Q lập năm 2002,

thừa số 87 và 05 chia đều theo pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thị C kháng cáo: không nhất trí chia thừa đất số 269, tờ bản đồ số 38 thuộc xóm 8 xã V, thành phố Cao Bằng theo pháp luật; Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: chia thừa 269 theo di chúc do ông Lưu La Q lập năm 2002, thừa số 87 và 05 chia đều theo pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu La A kháng cáo: Không nhất trí chia thừa đất số 269, tờ bản đồ số 38 thuộc xóm 8 V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: chia thừa 269 một là theo di chúc, hai là chia theo pháp luật, chia thừa 05 và 87 theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Lưu La D trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế thừa 269, tờ bản đồ số 38 thuộc xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng theo di chúc mà bố ông để lại, không nhất trí chia thừa 87, tờ bản đồ số 45 cho riêng ông; Tại phiên tòa phúc thẩm ông D đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: chia thừa 269 theo di chúc do ông Lưu La Q lập năm 2002 nếu không công nhận di chúc thì đề nghị chia theo quy định của pháp luật cả ba thừa 269, 87 và 05 chia đều theo pháp luật.

Lưu Thị C trình bày: Không nhất trí chia thừa đất số 269, tờ bản đồ số 38 thuộc xóm 8 xã V, thành phố Cao Bằng theo pháp luật; Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: chia thừa 269 theo di chúc do ông Lưu La Q lập năm 2002, thừa số 87 và 05 chia đều theo pháp luật. Trường hợp di chúc ông Lưu La Q không được coi là hợp pháp, với kỹ phần bà đã được chia theo pháp luật là đã đúng kỹ phần tương ứng bà được hưởng, bà không có ý kiến gì.

Lưu La A trình bày: Không nhất trí chia thừa đất số 269, tờ bản đồ số 38 thuộc xóm 8 V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: Chia thừa 269 một là theo di chúc, hai là chia theo pháp luật, chia thừa 05 và 87 theo pháp luật. Trường hợp di chúc ông Lưu La Q không được coi là hợp pháp, với kỹ phần ông đã được chia theo pháp luật là đã đúng kỹ phần tương ứng ông được hưởng, ông không có ý kiến gì.

Bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế theo pháp luật tài sản của bố mẹ chồng bà để lại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Lưu Thị H.N, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị L không kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm đều nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, không có ý kiến gì.

Luật sư Hoàng Minh N, Hà Thị B trình bày luận cứ với nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật, công nhận bản di chúc của ông Lưu La Q để lại vì di chúc có xác nhận của chính quyền địa phương, được viết từ

năm 2002, đề nghị xem xét lại việc tặng cho phần thừa kế lẽ ra những người có quyền lợi liên quan được hưởng cho bà T, việc tặng cho kỷ phần lẽ ra được hưởng những người này tặng bà T không đảm bảo thủ tục luật định, ảnh hưởng đến quyền lợi của những người khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Lưu La D, chia lại thừa kế theo pháp luật số di sản mà ông Q bà S để lại vì cấp sơ thẩm phân chia không đồng đều dẫn đến việc tính giá trị di sản đương sự được hưởng, án phí, chi phí thẩm định không đúng ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, đối với thửa 87, tờ bản đồ số 45 diện tích 192,8m², thuộc xóm 8 V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng thửa đất không đủ diện tích để chia nhỏ, trên đất có cây do ông D trồng, tại cấp sơ thẩm ông D có nguyện vọng được nhận phần đất này cấp sơ thẩm đã chấp nhận nên kháng cáo của ông D là không có cơ sở.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn ông Lưu La D nộp đơn khởi kiện bà Mã Thị T yêu cầu chia thừa kế. Cấp sơ thẩm xác Đ quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản*” là có căn cứ và đúng pháp luật theo quy định tại khoản 5 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn ông Lưu La D khởi kiện bà Mã Thị T có hộ khẩu thường trú tại xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng và các thửa đất nguyên đơn, bị đơn yêu cầu chia thừa kế đều có địa chỉ tại xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Do đó, theo quy Đ tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[3] *Tính hợp pháp của đơn kháng cáo:* Ngày 10/5/2022 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án sơ thẩm số 23/2022/DS-ST về việc “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*” giữa nguyên đơn Lưu La D và bị đơn Mã Thị T. Đến ngày 23 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn Lưu La D có đơn kháng cáo

tại tòa án, ngày 25/5/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thị C, Lưu La A có đơn kháng cáo tại Tòa án. Đơn kháng cáo của các đương sự được gửi trong thời hạn luật định và nguyên đơn Lưu La D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lưu La A nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lưu Thị C được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, đơn kháng cáo của các đương sự là hợp pháp.

[4] Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của nguyên đơn Lưu La D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Thị C, Lưu La A:

Thứ nhất: ông Lưu La D, Lưu La A, bà Lưu Thị C kháng cáo không nhất trí chia thừa 269, tờ bản đồ số 38 thuộc xóm 8, xã V, thành phố Cao Bằng theo pháp luật, yêu cầu chia thừa kế theo di chúc. HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm các bên đương sự đều xác nhận 03 thửa đất (thửa đất 05, 87 và 269) nguyên đơn, bị đơn yêu cầu chia thừa kế đều có nguồn gốc do ông Lưu La Q và bà Nông Thị S để lại, các thửa đất này đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa được chia cho ai.

Lời khai của các bên đương sự phù hợp với ý kiến của Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cao Bằng tại Công văn số 192/UBND-ĐC ngày 09/6/2021 và ý kiến của trưởng xóm, người làm chứng. Do đó, có đủ cơ sở để xác định 03 thửa đất trên có nguồn gốc của ông Lưu La Q và bà Nông Thị S (R) để lại.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm ông D xuất trình 01 bản di chúc lập ngày 29/10/2002 với nội dung ông Lưu La Q chia thửa đất 269 thành 03 phần cho 03 người con trai gồm: Lưu La D, Lưu La P, Lưu La K. Tuy nhiên, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kể cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lưu La P, Lưu La K đều không nhất trí với nội dung của bản di chúc và đề nghị Hội đồng xét xử chia thửa đất 269 theo pháp luật do ông Q chết từ năm 2005, bà S chết năm 2016 nhưng ông D vẫn không công bố di chúc, đến 2020 khi có tranh chấp mới công bố nên không xác định được bản di chúc có đúng với ý chí, nguyện vọng của ông Lưu La Q hay không.

Tại biên bản xác minh ngày 16/3/2022 ông Nông Văn Triều cho biết ông không biết ai là người viết di chúc vì ông không được chứng kiến, ông chỉ biết ông Lưu La D là con trai ông Lưu La Q mang đến cho ông xác nhận.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm các bên đương sự không yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông Lưu La Q. Tòa án xét thấy việc giám định là cần thiết nên đã yêu cầu các bên đương sự cung cấp mẫu chữ ký, chữ viết của ông Q nhưng không ai cung cấp được. Tòa án cũng đã thu thập tài liệu có bút tích của ông Lưu La Q tại Ủy ban nhân dân xã V nhưng xã cũng không còn lưu tài liệu

gì có bút tích của ông Lưu La Q. Do đó, Tòa án không có căn cứ để giám Đ chữ viết và chữ ký của ông Lưu La Q là đúng pháp luật.

Từ những yếu tố trên cấp sơ thẩm xác Đ không có căn cứ để xác Đ chữ viết và chữ ký trong bản di chúc lập ngày 29/10/2002 là do ông Lưu La Q viết nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Lưu La D về việc chia thừa kế theo di chúc đối với thửa đất 269 đồng thời xác định 03 thửa đất trên là di sản do ông Q bà S để lại chưa chia nên chia thừa kế theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Do vậy yêu cầu kháng cáo chia thừa 269 từ bản đồ số 38 theo di chúc là không có căn cứ chấp nhận.

Trước khi xét xử phúc thẩm ông Lưu La D có đơn đề nghị giám định chữ viết chữ ký của bản di chúc ông Q để lại nhưng không cung cấp được mẫu để giám định, chỉ cung cấp giấy di chúc bản phô tô nên không có cơ sở trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật.

Thứ hai: ông Lưu La D, Lưu La A, bà Lưu Thị C kháng cáo yêu cầu chia thừa số 87 và thửa số 05 chia đều theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy:

Giá trị của thửa đất số 05 là: $1567,5 \times 72.000đ \times 0,8 = 90.288.000$ đồng (Chín mươi triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Giá trị của thửa đất số 87 là: $192,8 \times 47.000đ = 9.061.600đ$ (Chín triệu không trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Giá trị của thửa đất số 269 là: $1193,4 \times 75.000đ = 89.505.000đ$ (Tám mươi chín triệu năm trăm linh năm nghìn đồng).

Tổng giá trị của 03 thửa đất trên là: 188.854.600đ (Một trăm tám mươi tám triệu tám trăm năm mươi tư nghìn sáu trăm đồng).

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều có ý kiến chia di sản do ông Q và bà S để lại theo hiện vật. Cấp sơ thẩm đã chia di sản thừa kế của ông Q bà S cho những người được hưởng thừa kế theo hiện vật là có căn cứ.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lưu La Đ, bà Mã Thị T, bà Lưu Thị O Diệu O, bà Nguyễn Thị L, ông Lưu Huỳnh M, ông Lưu La A về việc tặng cho bà Lưu Thị H.N một phần thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38 do bà E có công chăm sóc bà S.

Ông Đ, bà E, bà O tự nguyện tặng cho bà T toàn bộ phần di sản mỗi người được chia. Bà H tự nguyện tặng cho bà T phần di sản bà H được chia tại thửa đất 269. Ông Lưu Huỳnh M tự nguyện tặng cho bà Nguyễn Thị L toàn bộ di sản được chia.

Trong các thửa đất các bên đương sự yêu cầu chia thừa kế, thửa đất 87 không đủ diện tích để chia nhỏ, trên thửa đất có cây cối do ông D trồng và ông D cũng xin ưu tiên chia nên cần chia cho ông D thửa đất số 87. Bà T đã xây dựng tường và kè trên thửa đất 269 và đề nghị được chia thửa đất 269 nên ưu tiên chia cho bà T thửa đất 269. Các đương sự còn lại đề nghị chia theo quy Đ của pháp luật. Do đó, cần chia 03 thửa đất trên cho các bên được hưởng như sau:

Ông Lưu La D được chia toàn bộ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 45 và 355m² thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37 có tổng giá trị là 29.508.531,25 đồng.

Bà Lưu Thị C được chia 512,3m² thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37, có tổng giá trị là 29.508.531,25 đồng.

Bà Mã Thị T được chia 936m² thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38; có tổng giá trị là 70.204.362,5 đồng.

Ông Lưu La A được chia 128,7m² thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37 và 257,4m² thuộc thửa đất số 269, tờ bản đồ số 38, có tổng giá trị là 26.711.631,25 đồng.

Bà Nguyễn Thị L được chia 463,7m² thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37 có tổng giá trị là 26.711.631,25 đồng.

Bà Nguyễn Thị H được chia 107,8m² thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 37 có tổng giá trị là 6.209.912,5 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho các bên được hưởng như trên là có căn cứ, hợp lý, đúng kỹ phần theo quy định của pháp luật. Do vậy không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu La D, Lưu La A, bà Lưu Thị C chia đều các thửa 87 và 05 theo quy Đ của pháp luật.

Thứ ba: Ông Lưu La A, bà Lưu Thị C kháng cáo yêu cầu chia thửa số 269, tờ bản đồ số 38 theo di chúc hoặc theo pháp luật. HĐXX xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét chia thừa kế thửa số 269 theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm khi được hỏi nếu không có căn cứ chấp nhận bản di chúc do ông Q để lại là hợp pháp, với kỹ phần được chia, ông A bà C đều xác nhận, như cấp sơ thẩm chia thừa kế là đã được đảm bảo quyền lợi về diện tích, vị trí, kỹ phần được hưởng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chia lại thừa kế di sản do ông Q bà S để lại cho công bằng đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, như đã phân tích ở trên, HĐXX nhận thấy quyền lợi của các đương sự đã được đảm bảo, do đó việc chia lại thừa kế là không cần thiết.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị HĐXX cấp phúc thẩm không xem xét. Từ những phân tích và nhận định nêu trên có căn cứ bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lưu La D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lưu La A, Lưu Thị C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[5] *Về án phí*: Do kháng cáo không được chấp nhận: Ông Lưu La D, Lưu La A phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước; bà Lưu Thị C là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lưu La D (tên gọi khác: Lưu Tiến D), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu La A, bà Lưu Thị C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2022/DS-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Lưu La D (tên gọi khác: Lưu Tiến D) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0003199 ngày 25/5/2022. Xác nhận ông D đã nộp đủ.

- Ông Lưu La A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0003204 ngày 25/5/2022. Xác nhận ông A đã nộp đủ.

- Bà Lưu Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

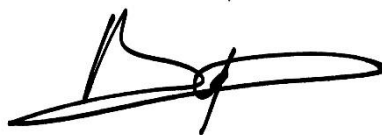
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- Chi cục THADS TPCB;
- TAND TPCB;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Tổ HCTP
- Lưu hồ sơ;



Nông Hà Nam